TÒA ÁN NHÂN DÂN **QUẬN PHÚ NHUẬN** **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 192/2020/HNGĐ-ST
Ngày: 07/4/2020
V/v tranh chấp "ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN PHÚ NHUẬN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Ngô Kim Phụng.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Ngọc Mỹ

2. Ông Lữ Hà Minh

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà Mai Ánh Ngọc – Thư ký Tòa án nhân dân quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh: Bà Bùi Thị Bích Phượng - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 07 tháng 4 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 853/2019/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 12 năm 2019 về việc "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 27/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 02 tháng 3 năm 2020; Quyết định hoãn phiên tòa số: 09/2020/QĐST-HNGĐ ngày 18 tháng 3 năm 2020 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà B, sinh năm 1995

Địa chỉ: 820/23/8A Hậu Giang, Phường 12, Quận 6, thành phố Hồ Chí Minh

Bị đơn: Ông Đ, sinh năm 1992

Địa chỉ: đường M, phường N, quận O, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 20 tháng 10 năm 2019 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà B trình bày:

Năm 2017, bà B (viết tắt là bà B) và ông Đ (viết tắt là ông Đ) tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân Phường Y, Quận Q, Thành phố Hồ Chí Minh. Trong quá trình chung sống, bà B và ông Đ thường xuyên bất đồng quan điểm, đã ly thân. Đầu năm 2019, bà B đã nộp đơn ly hôn tại Tòa án, nhưng rút đơn khởi kiện. Nay bà B đã suy nghĩ kỹ khi nộp đơn ly hôn, vì giữa bà và ông Đ không có cơ hội hàn gắn.

Nhận thấy mục đích hôn nhân không đạt được, để ổn định cuộc sống cho hai người, bà B xin được ly hôn với ông Đ.

Về con chung: Không có.

Về tài sản chung, nợ chung: không có.

Ngày 13/01/2020 bà B có đơn xin xét xử vắng mặt, giữ nguyên yêu cầu đã trình bày.

Bà B khẳng định các chứng cứ đã được giao nộp, tiếp cận, công khai trong quá trình giải quyết vụ án. Ngoài những chứng cứ trên, nguyên đơn không còn chứng cứ nào khác để cung cấp cho Toà án.

Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn ông Đ không có yêu cầu phản tố. Tòa án đã thực hiện việc cấp, tống đạt, thông báo văn bản tố tụng như thông báo thụ lý vụ án, giấy triệu tập, thông báo mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng ông Đ vắng mặt.

Ngày 18/3/2020, ông Đ có lời khai: ông và bà B thời gian đầu chung sống hạnh phúc. Từ tháng 12/2019 tình cảm hai bên rạn nứt, ông và bà B ly thân. Nay bà B nộp đơn ly hôn, ông Đức đồng ý yêu cầu ly hôn với bà B.

Về con chung: Không có.

Về tài sản chung, nợ chung: không có.

Đồng thời, ông Đ có đơn xin xét xử vắng mặt, giữ nguyên lời khai đã trình bày. Do đó, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã thực hiện đầy đủ các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Căn cứ các Điều 51; 56 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014; Khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà B.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Về quan hệ tranh chấp: Căn cứ yêu cầu của bà B về việc ly hôn với ông Đ, các chứng cứ có trong hồ sơ, lời trình bày của đương sự, có cơ sở xác định bà B và ông Đ tranh chấp về hôn nhân và gia đình theo quy định tại khoản 1 Điều 28, Khoản 1 Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Về thẩm quyền: Căn cứ đơn khởi kiện của bà B xin ly hôn ông Đ, do ông Đ thường trú tại quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh nên vụ kiện thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại Điểm a Khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

Trong quá trình giải quyết vụ án, bà B và ông Đ có đơn xin vắng mặt nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt đương sự theo quy định tại khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về nội dung:

Căn cứ giấy chứng nhận kết hôn số 200 do Ủy ban nhân dân Phường Y, Quận Q, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 22/12/2017, có cơ sở xác định quan hệ hôn nhân giữa bà B và ông Đ là hợp pháp. Theo bà B trình bày, trong thời gian chung sống, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, hai bên không tìm được tiếng nói chung là nguyên nhân chính làm cho cuộc sống vợ chồng không thể hạnh phúc. Bà B vẫn kiên quyết giữ nguyên yêu cầu ly hôn với ông Đ.

Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Hội đồng xét xử nhận thấy:

- Về quan hệ hôn nhân: Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau. Hai bên phải cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình. Bà B thì kiên quyết ly hôn, dù trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án tiến hành hòa giải và động viên nhiều lần nhưng tại phiên tòa, bà B vẫn giữ nguyên yêu cầu ly hôn.

Căn cứ Quyết định đình chỉ giải quyết vụ án hôn nhân gia đình số 241/2019/QĐST-HNGĐ, ngày 25/4/2019 của Tòa án nhân dân quận A, bà B nộp và rút đơn khởi kiện để giữa bà và ông Đ có thời gian hàn gắn. Tuy nhiên, cuộc sống vợ chồng vẫn tiếp tục mâu thuẫn. Bà B tiếp tục nộp đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn với ông Đ.

Ông Đ có lời khai đồng ý ly hôn với bà B.

Nhận thấy mâu thuẫn giữa bà B và ông Đ ngày càng nghiêm trọng, cuộc sống vợ chồng không còn sự yêu thương, tôn trọng và mang lại hạnh phúc cho nhau, mục đích hôn nhân không đạt được, đôi bên không có khả năng đoàn tụ nên Hội đồng xét xử ghi nhận việc thuận tình ly hôn của bà B và ông Đ.

- Về con chung, tài sản chung, nợ chung: đương sự khai không có

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến về tố tụng và đề nghị về nội dung có cơ sở chấp nhận.

Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: bà B chịu theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ Khoản 1 Điều 28; Khoản 1 Điều 35; Điểm a Khoản 1 Điều 39; Điều 147; khoản 1 Điều 228 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

- Căn cứ các Điều 51; 53; 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Căn cứ Luật Thi hành án dân sự năm 2008;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1/ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà B.

- Về quan hệ hôn nhân: bà B thuận tình ly hôn với ông Đ.

- Về con chung, tài sản chung, nợ chung: bà B và ông Đ khai không có.

2/ Án phí hôn nhân sơ thẩm: 300.000 (ba trăm ngàn) đồng bà B chịu, được trừ số tiền 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng bà B tạm nộp theo biên lai thu số 0042352 ngày 29/11/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh.

Thi hành tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6; Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
-TAND TP.HCM;
-VKSND TP.HCM;
-VKSND Q.PN;
-CCTHADS Q.PN;
-UBND P.Y, Q.Q;
-Đương sự;
-Lưu hồ sơ vụ án.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Ngô Kim Phụng